



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Quản trị tài chính(Tài chính doanh nghiệp) - 1104014

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 110401404

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: *Nguyễn Phú Xuân*

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1110090450	Nguyễn Thị Mỹ Châu	20/10/1992	<i>Châu</i>	6	Sau	C13QT4	<i>Châu</i>
2	1110090337	Lý Mỹ Ngọc	09/11/1993	<i>MN</i>	6	Sau	C13QT4	<i>MN</i>
3	1110090338	Mai Huỳnh Ánh Như	27/11/1993	<i>ch</i>	9	Chín	C13QT4	<i>ch</i>
4	1110090455	Lâu Nguyễn Thanh Sang	13/02/1993	<i>Sang</i>	7	Bảy	C13QT4	
5	1110090339	Ngô Thanh Thảo	17/03/1993	<i>Th</i>	8	Tám	C13QT4	
6	1010090150	Huỳnh Kim Thạch	22/06/1992	<i>Th</i>	6	Sau	C13QT4	
7	1110090341	Lê Thị Kim Thi	02/11/1993	<i>Th</i>	6	Sau	C13QT4	
8	1110090343	Nguyễn Chánh Thi	25/12/1993	<i>Th</i>	8	Tám	C13QT4	
9	1110090344	Nguyễn Ngọc Thi	09/02/1991	<i>Th</i>	8	Tám	C13QT4	
10	1110090342	Võ Thị Quý Thi	03/05/1993	<i>Th</i>	6	Sau	C13QT4	
11	1110090346	Nguyễn Phạm Thiên	24/07/1992	<i>Th</i>	9	Chín	C13QT4	
12	1110090347	Võ Chí Thiện	29/06/1993	<i>Th</i>	7	Bảy	C13QT4	
13	1110090353	Bùi Minh Thịnh	28/05/1993	<i>Th</i>	8	Tám	C13QT4	
14	1110090349	Nguyễn Thị Kim Thoa	21/01/1993	<i>Th</i>	7	Bảy	C13QT4	
15	1110090352	Trần Văn Thọ	25/07/1992		8	Tám	C13QT4	
16	1110090350	Châu Mạnh Thông	30/01/1992	<i>Th</i>	8	Tám	C13QT4	
17	1110090351	Phạm Điền Thông	18/03/1993	<i>Th</i>	8	Tám	C13QT4	
18	1110090360	Huỳnh Thị Lệ Thu	28/03/1993	<i>Th</i>	8	Tám	C13QT4	
19	0910090188	Lê Hoàng Thuận	07/09/1989	<i>Th</i>	7	Bảy	C13QT4	
20	1110090371	Nguyễn Thị Bích Thuyền	14/12/1993	<i>Th</i>	8	Bảy	C13QT4	
21	1110090364	Nguyễn Thị Mộng Thùy	13/04/1993	<i>Th</i>	8	Tám	C13QT4	
22	1110090362	Phan Thị Thanh Thùy	21/05/1993	<i>Th</i>	8	Tám	C13QT4	<i>Th</i>
23	1110090367	Mai Thu Thủy	19/09/1993	<i>Th</i>	8	Tám	C13QT4	
24	1110090370	Nguyễn Thị Thủy	16/04/1992	<i>Th</i>	8	Tám	C13QT4	
25	1110090369	Trương Thị Thanh Thủy	01/01/1993		0	Không	C13QT4	
26	1110090365	Võ Hồng Thúy	28/04/1993	<i>Th</i>	8	Bảy	C13QT4	
27	1110090366	Võ Hồng Thúy	25/02/1993	<i>Th</i>	8	Tám	C13QT4	
28	1110090348	Phạm Ngọc Thư	01/06/1993		0	Không	C13QT4	
29	1110090357	Đặng Thị Ngọc Thương	15/10/1993	<i>Th</i>	8	Tám	C13QT4	
30	1110090355	Ngô Thị Hoài Thương	01/09/1993	<i>Th</i>	6	Sau	C13QT4	
31	1110090354	Phan Ngọc Thương	25/03/1993	<i>Th</i>	8	Tám	C13QT4	<i>Th</i>
32	1110090358	Quảng Phụng Thường	11/12/1993	<i>Th</i>	6	Sau	C13QT4	
33	1110090374	Huỳnh Thu Thủy Tiên	17/04/1993	<i>Th</i>	6	Sau	C13QT4	
34	1110090377	Lê Thị Cẩm Tiên	26/09/1993	<i>Th</i>	7	Bảy	C13QT4	

	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	1110090378	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Tiên	24/04/1993	<i>Camher</i>	6	Sau	C13QT4	
	1110090375	Trần Thị Cẩm Tiên	Tiên	13/08/1993	<i>Sơn</i>	9	Chín	C13QT4	
37	1110090372	Nguyễn Chánh Tiến	Tiến	23/05/1993	<i>Chánh</i>	6	Sau	C13QT4	
38	1110090373	Trần Minh Tiến	Tiến	21/10/1993	<i>Minh</i>	8	Tám	C13QT4	
39	1110090379	Đoàn Thanh Tịnh	Tịnh	05/03/1992	<i>Thanh</i>	7	Bảy	C13QT4	
40	1110090394	Đặng Ngọc Kiều Trang	Trang	26/05/1992	<i>Ngọc</i>	7	Bảy	C13QT4	
41	1010090198	Lê Thị Ngọc Trang	Trang	27/10/1992	<i>Ngọc</i>	6	Sáu	C13QT4	
42	1010090248	Lê Trần Phương Trang	Trang	03/12/1992	<i>Phương</i>	8	Tám	C13QT4	
43	1110090392	Nguyễn Thị Huyền Trang	Trang	10/02/1993	<i>Huyền</i>	9	Chín	C13QT4	
44	1110090396	Nguyễn Thị Huyền Trang	Trang	21/06/1993	<i>Huyền</i>	8	Tám	C13QT4	
45	1110090390	Nguyễn Thị Thu Trang	Trang	06/07/1993	<i>Thu</i>	8	Tám	C13QT4	
46	1110090395	Nguyễn Thị Thu Trang	Trang	20/09/1993	<i>Thu</i>	8	Tám	C13QT4	
47	1110090398	Nguyễn Thùy Trang	Trang	26/12/1993	<i>Thùy</i>	7	Bảy	C13QT4	
48	1110090399	Ong Trương Mỹ Trang	Trang	11/04/1993	<i>Trương</i>	9	Chín	C13QT4	
49	1110090393	Phạm Thị Huyền Trang	Trang	15/10/1993	<i>Huyền</i>	9	Chín	C13QT4	
50	1110090397	Trần Huỳnh Kim Trang	Trang	07/05/1993	<i>Kim</i>	8	Tám	C13QT4	
51	1110090381	Dương Thị Ngọc Trâm	Trâm	18/11/1993	<i>Ngọc</i>	8	Tám	C13QT4	
52	1110090382	Phạm Thị Bích Trâm	Trâm	20/01/1993	<i>Bích</i>	7	Bảy	C13QT4	
53	1110090380	Võ Đăng Thiên Trâm	Trâm	21/10/1993	<i>Thiên</i>	8	Tám	C13QT4	<i>Thiên</i>
54	1110090386	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Trân	19/10/1993	<i>Ngọc</i>	6	Sáu	C13QT4	
55	1110090387	Phan Thị Huyền Trân	Trân	26/09/1993	<i>Huyền</i>	9	Chín	C13QT4	<i>Trân</i>
56	1110090385	Trần Thị Hiền Trân	Trân	17/06/1993	<i>Hiền</i>	8	Tám	C13QT4	
57	1110090388	Võ Lê Quế Trân	Trân	17/12/1993	<i>Quế</i>	7	Bảy	C13QT4	
58	1110090402	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Trinh	08/06/1993	<i>Tuyết</i>	9	Chín	C13QT4	
59	1110090403	Phạm Thị Thùy Trinh	Trinh	24/11/1993	<i>Thùy</i>	8	Tám	C13QT4	
60	1110090401	Vũ Thị Trinh	Trinh	27/11/1993	<i>Trinh</i>	9	Chín	C13QT4	
61	1110090400	Trương Lê Thiên Trí	Trí	07/08/1993	<i>Thiên</i>	6	Sáu	C13QT4	
62	1110090405	Nguyễn Thị Ngọc Trọn	Trọn	26/07/1992	<i>Ngọc</i>	6	Sáu	C13QT4	
63	1110090408	Đinh Minh Trung	Trung	16/02/1993	<i>Minh</i>	9	Chín	C13QT4	<i>Tr</i>
64	1110090411	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Trúc	27/05/1993	<i>Thanh</i>	6	Sáu	C13QT4	
65	1110090406	Trương Nhật Trường	Trường	28/12/1993	<i>Trương</i>	9	Chín	C13QT4	
66	1110090404	Nguyễn Minh Trục	Trục	20/05/1993	<i>Minh</i>	8	Tám	C13QT4	
67	1110090412	Lương Đức Vũ Tuấn	Tuấn	22/04/1992	<i>Đức</i>	8	Tám	C13QT4	
68	1110090415	Nguyễn Du Tuấn	Tuấn	28/02/1992	<i>Du</i>	6	Sáu	C13QT4	
69	1110090413	Nguyễn Thanh Tuấn	Tuấn	17/12/1993	<i>Thanh</i>	6	Sáu	C13QT4	
70	1110090414	Phan Thanh Tuấn	Tuấn	30/04/1993	<i>Thanh</i>	8	Tám	C13QT4	
71	1110090424	Nguyễn Đăng Bùi Thị Cẩm Tuyên	Tuyên	17/11/1993	<i>Đăng</i>	7	Bảy	C13QT4	
72	1110090422	Lại Nguyễn Ngọc Tuyên	Tuyên	16/01/1992	<i>Ngọc</i>	9	Chín	C13QT4	
73	1110090423	Nguyễn Bích Ngọc Tuyên	Tuyên	15/10/1993	<i>Bích</i>	9	Chín	C13QT4	
74	1110090421	Nguyễn Thị Ngọc Tuyên	Tuyên	27/04/1993	<i>Ngọc</i>	8	Tám	C13QT4	
75	1110090420	Nguyễn Thị Thanh Tuyên	Tuyên	01/07/1993	<i>Thanh</i>	8	Tám	C13QT4	
76	1110090419	Phạm Thị Mộng Tuyên	Tuyên	30/09/1993	<i>Mộng</i>	9	Chín	C13QT4	
77	1110090425	Nguyễn Thị Lệ Tuyết	Tuyết	09/04/1993	<i>Lệ</i>	6	Sáu	C13QT4	

	Mã SV	Họ và tên	Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	1110090426	Trần Thị	Tuyết	24/06/1993		8	Tám	C13QT4	
9	1110090416	Vũ Đình	Tùng	26/05/1993		8	Tám	C13QT4	
80	1110090418	Nguyễn Anh	Tú	23/08/1993		8	Tám	C13QT4	
81	1110090417	Nguyễn Văn	Tú	10/07/1992		8	Tám	C13QT4	
82	1110090427	Nguyễn Bảo	Uyên	25/11/1993		7	Bảy	C13QT4	
83	1110090428	Trần Thị Tố	Uyên	05/05/1993		7	Bảy	C13QT4	
84	1110090432	Thái Hoàng	Văn	08/03/1993		6	Sáu	C13QT4	
85	1110090429	Nguyễn Thị Thảo	Vân	09/07/1993		8	Tám	C13QT4	
86	1110090430	Nguyễn Thị Thúy	Vân	03/12/1993		6,5	Sáu rưỡi	C13QT4	
87	1110090433	Nguyễn Đoàn Khánh	Vi	06/08/1992		9	Chín	C13QT4	
88	1110090435	Nguyễn Thị A	Vi	26/03/1993		6	Sáu	C13QT4	
89	1110090434	Quản Thị Phương	Vi	18/02/1993		8	Tám	C13QT4	
90	1110090436	Trần Nguyễn Tiết	Vy	12/09/1993		9	Chín	C13QT4	
91	1110090439	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	23/10/1993		8	Tám	C13QT4	
92	1110090443	Đào Thị Kim	Yến	08/07/1993		8	Tám	C13QT4	
93	1110090440	Hà Hải	Yến	04/06/1993		0	Không	C13QT4	
94	1110090442	Võ Thị Ngọc	Yến	02/05/1993		7	Bảy	C13QT4	
95	1110090441	Vũ Thị Hoàng	Yến	28/12/1993		8	Tám	C13QT4	
96	1110090445	Nguyễn Thị Như	YÙ	14/01/1993		9	Chín	C13QT4	
97	1110090444	Phạm Như	YÙ	16/01/1992		9	Chín	C13QT4	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Quản trị tài chính(Tài chính doanh nghiệp) - 1104014

Giám thị 1: Minh Đại Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: 110401404

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Vũ Chi Ký tên: [Signature]

Giảng viên giảng dạy:

Giám thị 3: Kiên Nhi Ký tên: [Signature]

Ngày thi: 23/12/2013 Giờ thi: 9h30

Phòng thi: A.12(45) + B.7 (47)

Giám thị 4: Kim Liên + Hạnh Ký tên: [Signature] + [Signature]

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1110090450	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	20/10/1992	<u>Chau</u>		<u>5</u>	<u>năm</u>	C13QT4
2	1110090337	Lý Mỹ	Ngọc	09/11/1993	<u>Ly My</u>		<u>5</u>	<u>năm</u>	C13QT4
3	1110090338	Mai Huỳnh Ánh	Như	27/11/1993	<u>Mai Huynh Anh</u>		<u>8</u>	<u>Tám</u>	C13QT4
4	1110090455	Lầu Nguyễn Thanh	Sang	13/02/1993	<u>Sang</u>		<u>4</u>	<u>Bốn</u>	C13QT4
5	1110090339	Ngô Thanh	Thảo	17/03/1993	<u>Ngô Thanh</u>		<u>4</u>	<u>Bốn</u>	C13QT4
6	1010090150	Huỳnh Kim	Thạch	22/06/1992					C13QT4 ✓
7	1110090341	Lê Thị Kim	Thi	02/11/1993	<u>Le Thi Kim</u>		<u>5</u>	<u>năm</u>	C13QT4
8	1110090343	Nguyễn Chánh	Thi	25/12/1993	<u>Nguyen Chanh</u>		<u>5</u>	<u>năm</u>	C13QT4
9	1110090344	Nguyễn Ngọc	Thi	09/02/1991	<u>Nguyen Ngoc</u>		<u>5</u>	<u>năm</u>	C13QT4
10	1110090342	Võ Thị Quý	Thi	03/05/1993	<u>Vu Thi Quy</u>		<u>5</u>	<u>năm</u>	C13QT4
11	1110090346	Nguyễn Phạm	Thiên	24/07/1992	<u>Nguyen Pham</u>		<u>5</u>	<u>năm</u>	C13QT4
12	1110090347	Võ Chí	Thiện	29/06/1993	<u>Vu Chi</u>		<u>4</u>	<u>Bốn</u>	C13QT4
13	1110090353	Bùi Minh	Thịnh	28/05/1993	<u>Bui Minh</u>		<u>6</u>	<u>Sáu</u>	C13QT4
14	1110090349	Nguyễn Thị Kim	Thoa	21/01/1993	<u>Nguyen Thi Kim</u>		<u>4</u>	<u>Bốn</u>	C13QT4
15	1110090352	Trần Văn	Thọ	25/07/1992	<u>Tran Van</u>				C13QT4 ✓
16	1110090350	Châu Mạnh	Thông	30/01/1992	<u>Chau Manh</u>		<u>4</u>	<u>Bốn</u>	C13QT4
17	1110090351	Phạm Điền	Thông	18/03/1993	<u>Pham Dien</u>		<u>5</u>	<u>năm</u>	C13QT4
18	1110090360	Huỳnh Thị Lệ	Thu	28/03/1993	<u>Huynh Thi Le</u>		<u>5</u>	<u>năm</u>	C13QT4
19	0910090188	Lê Hoàng	Thuận	07/09/1989	<u>Le Hoang</u>		<u>4</u>	<u>Bốn</u>	C13QT4
20	1110090371	Nguyễn Thị Bích	Thuyền	14/12/1993	<u>Nguyen Thi Bích</u>		<u>9</u>	<u>Chín</u>	C13QT4
21	1110090364	Nguyễn Thị Mộng	Thùy	13/04/1993	<u>Nguyen Thi Mong</u>		<u>5</u>	<u>năm</u>	C13QT4
22	1110090362	Phan Thị Thanh	Thùy	21/05/1993	<u>Phan Thi Thanh</u>		<u>4</u>	<u>Bốn</u>	C13QT4
23	1110090367	Mai Thu	Thủy	19/09/1993	<u>Mai Thu</u>		<u>5</u>	<u>năm</u>	C13QT4
24	1110090370	Nguyễn Thị	Thủy	16/04/1992	<u>Nguyen Thi</u>		<u>4</u>	<u>Bốn</u>	C13QT4
25	1110090369	Trương Thị Thanh	Thủy	01/01/1993	<u>Truong Thi Thanh</u>				C13QT4 ✓
26	1110090365	Võ Hồng	Thúy	28/04/1993	<u>Vu Hong</u>		<u>4</u>	<u>Bốn</u>	C13QT4
27	1110090366	Võ Hồng	Thúy	25/02/1993	<u>Vu Hong</u>		<u>4</u>	<u>Bốn</u>	C13QT4
28	1110090348	Phạm Ngọc	Thư	01/06/1993	<u>Pham Ngoc</u>				C13QT4 ✓
29	1110090357	Đặng Thị Ngọc	Thương	15/10/1993	<u>Dang Thi Ngoc</u>		<u>3</u>	<u>Ba</u>	C13QT4
30	1110090355	Ngô Thị Hoài	Thương	01/09/1993	<u>Ngô Thi Hoai</u>		<u>2</u>	<u>Hai</u>	C13QT4
31	1110090354	Phan Ngọc	Thương	25/03/1993	<u>Phan Ngoc</u>		<u>4</u>	<u>Bốn</u>	C13QT4
32	1110090358	Quảng Phụng	Thường	11/12/1993	<u>Quang Phung</u>		<u>4</u>	<u>Bốn</u>	C13QT4
33	1110090374	Huỳnh Thu Thủy	Tiên	17/04/1993	<u>Huynh Thu Thuy</u>		<u>4</u>	<u>Bốn</u>	C13QT4
34	1110090377	Lê Thị Cẩm	Tiên	26/09/1993	<u>Le Thi Cam</u>		<u>9</u>	<u>Chín</u>	C13QT4

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	1110090378	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	24/04/1993	<i>Cẩm Tiên</i>		5	<i>năm</i>	C13QT4	
36	1110090375	Trần Thị Cẩm Tiên	13/08/1993	<i>Sơn</i>		6	<i>Sau</i>	C13QT4	
37	1110090372	Nguyễn Chánh Tiến	23/05/1993	<i>Ngọc</i>		8	<i>Tám</i>	C13QT4	
38	1110090373	Trần Minh Tiến	21/10/1993	<i>Minh</i>		4	<i>Bốn</i>	C13QT4	
39	1110090379	Đoàn Thanh Tịnh	05/03/1992	<i>Thanh</i>		4	<i>Bốn</i>	C13QT4	
40	1110090394	Đặng Ngọc Kiều Trang	26/05/1992	<i>Ngọc</i>		4	<i>Bốn</i>	C13QT4	
41	1010090198	Lê Thị Ngọc Trang	27/10/1992	<i>Ngọc Trang</i>		4	<i>Bốn</i>	C13QT4	
42	1010090248	Lê Trần Phương Trang	03/12/1992	<i>Trang</i>		4	<i>Bốn</i>	C13QT4	
43	1110090392	Nguyễn Thị Huyền Trang	10/02/1993	<i>Huyền</i>		5	<i>năm</i>	C13QT4	
44	1110090396	Nguyễn Thị Huyền Trang	21/06/1993	<i>Trang</i>		4	<i>Bốn</i>	C13QT4	
45	1110090390	Nguyễn Thị Thu Trang	06/07/1993	<i>Thu</i>		5	<i>năm</i>	C13QT4	
46	1110090395	Nguyễn Thị Thu Trang	20/09/1993	<i>Thu</i>		8	<i>Tám</i>	C13QT4	
47	1110090398	Nguyễn Thùy Trang	26/12/1993	<i>Thùy</i>		6	<i>Sáu</i>	C13QT4	
48	1110090399	Ong Trương Mỹ Trang	11/04/1993	<i>Trương</i>		6	<i>Sáu</i>	C13QT4	
49	1110090393	Phạm Thị Huyền Trang	15/10/1993	<i>Phạm</i>		6	<i>Sáu</i>	C13QT4	
50	1110090397	Trần Huỳnh Kim Trang	07/05/1993	<i>Trần</i>		3	<i>Ba</i>	C13QT4	
51	1110090381	Dương Thị Ngọc Trâm	18/11/1993	<i>Dương</i>		7	<i>Bảy</i>	C13QT4	
52	1110090382	Phạm Thị Bích Trâm	20/01/1993	<i>Phạm</i>		9	<i>Chín</i>	C13QT4	
53	1110090380	Võ Đăng Thiên Trâm	21/10/1993	<i>Thiên</i>		4	<i>Bốn</i>	C13QT4	
54	1110090386	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	19/10/1993	<i>Ngọc</i>		4	<i>Bốn</i>	C13QT4	
55	1110090387	Phan Thị Huyền Trâm	26/09/1993	<i>Phan</i>		4	<i>Bốn</i>	C13QT4	
56	1110090385	Trần Thị Hiền Trâm	17/06/1993	<i>Trần</i>		6	<i>Sáu</i>	C13QT4	
57	1110090388	Võ Lê Quế Trâm	17/12/1993	<i>Quế</i>		10	<i>Mười</i>	C13QT4	
58	1110090402	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	08/06/1993	<i>Thị</i>		6	<i>Sáu</i>	C13QT4	
59	1110090403	Phạm Thị Thùy Trinh	24/11/1993	<i>Thùy</i>		6	<i>Sáu</i>	C13QT4	
60	1110090401	Vũ Thị Trinh	27/11/1993	<i>Vũ</i>		5	<i>năm</i>	C13QT4	
61	1110090400	Trương Lê Thiên Trí	07/08/1993	<i>Trương</i>		2	<i>Hai</i>	C13QT4	
62	1110090405	Nguyễn Thị Ngọc Trọn	26/07/1992	<i>Ngọc</i>		7	<i>Bảy</i>	C13QT4	
63	1110090408	Đinh Minh Trung	16/02/1993	<i>Đinh</i>		8	<i>Tám</i>	C13QT4	
64	1110090411	Nguyễn Thị Thanh Trúc	27/05/1993	<i>Thanh</i>		8	<i>Tám</i>	C13QT4	
65	1110090406	Trương Nhứt Trường	28/12/1993	<i>Trương</i>		5	<i>năm</i>	C13QT4	
66	1110090404	Nguyễn Minh Trục	20/05/1993	<i>Nguyễn</i>		2	<i>Hai</i>	C13QT4	
67	1110090412	Lương Đức Vũ Tuấn	22/04/1992	<i>Lương</i>		2	<i>Hai</i>	C13QT4	
68	1110090415	Nguyễn Du Tuấn	28/02/1992	<i>Nguyễn</i>		5	<i>năm</i>	C13QT4	
69	1110090413	Nguyễn Thanh Tuấn	17/12/1993	<i>Nguyễn</i>		7	<i>Bảy</i>	C13QT4	
70	1110090414	Phan Thanh Tuấn	30/04/1993	<i>Phan</i>		4	<i>Bốn</i>	C13QT4	
71	1110090424	Nguyễn Đặng Bùi Thị Cẩm Tuyên	17/11/1993	<i>Tuyên</i>		8	<i>Tám</i>	C13QT4	
72	1110090422	Lại Nguyễn Ngọc Tuyên	16/01/1992	<i>Lại</i>		8	<i>Tám</i>	C13QT4	
73	1110090423	Nguyễn Bích Ngọc Tuyên	15/10/1993	<i>Nguyễn</i>		8	<i>Tám</i>	C13QT4	
74	1110090421	Nguyễn Thị Ngọc Tuyên	27/04/1993	<i>Nguyễn</i>		5	<i>năm</i>	C13QT4	
75	1110090420	Nguyễn Thị Thanh Tuyên	01/07/1993	<i>Nguyễn</i>		5	<i>năm</i>	C13QT4	
76	1110090419	Phạm Thị Mộng Tuyên	30/09/1993	<i>Phạm</i>		6	<i>Sáu</i>	C13QT4	
77	1110090425	Nguyễn Thị Lệ Tuyết	09/04/1993	<i>Nguyễn</i>		6	<i>Sáu</i>	C13QT4	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
78	1110090426	Trần Thị Tuyết	24/06/1993	<i>[Signature]</i>		6	Sáu	C13QT4	
79	1110090416	Vũ Đình Tùng	26/05/1993	<i>[Signature]</i>		5	Năm	C13QT4	
80	1110090418	Nguyễn Anh Tú	23/08/1993	<i>[Signature]</i>		5	Năm	C13QT4	
81	1110090417	Nguyễn Văn Tú	10/07/1992	<i>[Signature]</i>		2	Khai	C13QT4	
82	1110090427	Nguyễn Bảo Uyên	25/11/1993	<i>[Signature]</i>		3	Ba	C13QT4	
83	1110090428	Trần Thị Tố Uyên	05/05/1993	<i>[Signature]</i>		7	Bảy	C13QT4	
84	1110090432	Thái Hoàng Văn	08/03/1993	<i>[Signature]</i>		8	Tám	C13QT4	
85	1110090429	Nguyễn Thị Thảo Vân	09/07/1993	<i>[Signature]</i>		4	Bốn	C13QT4	
86	1110090430	Nguyễn Thị Thúy Vân	03/12/1993	<i>[Signature]</i>		3	Ba	C13QT4	
87	1110090433	Nguyễn Đoàn Khánh Vi	06/08/1992	<i>[Signature]</i>		4	Bốn	C13QT4	
88	1110090435	Nguyễn Thị A Vi	26/03/1993	<i>[Signature]</i>		5	Năm	C13QT4	
89	1110090434	Quản Thị Phương Vi	18/02/1993	<i>[Signature]</i>		6	Sáu	C13QT4	
90	1110090436	Trần Nguyễn Tiết Vy	12/09/1993	<i>[Signature]</i>		10	Mười	C13QT4	
91	1110090439	Nguyễn Thị Kim Xuyên	23/10/1993	<i>[Signature]</i>		3	Ba	C13QT4	
92	1110090443	Đào Thị Kim Yến	08/07/1993	<i>[Signature]</i>		4	Bốn	C13QT4	
93	1110090440	Hà Hải Yến	04/06/1993					C13QT4	
94	1110090442	Võ Thị Ngọc Yến	02/05/1993	<i>[Signature]</i>		3	Ba	C13QT4	
95	1110090441	Vũ Thị Hoàng Yến	28/12/1993	<i>[Signature]</i>		5	Năm	C13QT4	
96	1110090445	Nguyễn Thị Như YÙ	14/01/1993	<i>[Signature]</i>		2	Hai	C13QT4	
97	1110090444	Phạm Như YÙ	16/01/1992	<i>[Signature]</i>		8	Tám	C13QT4	

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần. 10 217 217 217